

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**)
Địa chỉ đăng ký: 33 Phan Văn Khỏe, phường 13, quận 5, HCM.
Trụ sở văn phòng tại Tp.HCM: 156 – 158 Phố Quang, phường 9, Phú Nhuận.
Tel: +84 (8) 3 999 00 91-97 | Fax: + 84 (8) 3999 00 90
Email: info@vietvalues.com | Website: www.vietvalues.com



Mang tri thức phục vụ khách hàng

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN VITALY

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Báo cáo của Hội đồng Quản trị	02 - 04
2. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	05 - 06
3. Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2018	07 - 08
4. Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	09
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	10
6. Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	11 - 33
7. Phụ lục số 01: Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu	34



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Khái quát chung về Công ty

Công ty Cổ phần Vitaly (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được chuyển thể từ doanh nghiệp Nhà nước là Công ty Gạch Ốp lát Số 1 thuộc Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng Số 1 theo Quyết định số 2007/QĐ-BXD ngày 16 tháng 12 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300398078; đăng ký lần đầu ngày 06 tháng 01 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 11 tháng 05 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp.

Vốn điều lệ: 80.000.000.000 (tám mươi tỷ) đồng.

2. Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Đường N1, khu sản xuất tập trung Bình Chuẩn, phường Bình Chuẩn, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.
Điện thoại : +84 (274) 3788 347
Fax : +84 (274) 3788 553
Mã số thuế : 0 3 0 0 3 9 8 0 7 8

3. Ngành nghề hoạt động

- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét (Chi tiết: Sản xuất vật liệu xây dựng);
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (Chi tiết: Mua bán vật liệu xây dựng, vật tư, nguyên liệu và sản phẩm phục vụ ngành công nghiệp xây dựng (trừ cát));
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (Chi tiết: Kinh doanh bất động sản, cho thuê mặt bằng, văn phòng làm việc, nhà xưởng, kho bãi (thực hiện theo Quyết định số 49/QĐ-UBND, ngày 21 tháng 11 năm 2011 của UBND tỉnh Bình Dương);
- Buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (Chi tiết: Mua bán máy móc, thiết bị, phụ tùng thay thế, dây chuyền công nghệ thuộc lĩnh vực xây dựng và sản xuất vật liệu xây dựng);
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất (Chi tiết: Tư vấn bất động sản (trừ môi giới bất động sản)).



4. Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

4.1 Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị của Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Phạm Thành Tuấn	Chủ tịch	19/05/2018	-
Ông Bùi Thanh Long	Chủ tịch	24/04/2015	25/06/2018
Ông Võ Văn Tùng	Thành viên	24/04/2015	-
Ông Nguyễn Việt Lợi	Thành viên	24/04/2015	-
Ông Nguyễn Danh Dũng	Thành viên	24/04/2015	-
Ông Lê Thái Hiệp	Thành viên	10/04/2017	19/05/2018
Ông Nguyễn Xuân Thắng	Thành viên	25/06/2018	-

4.2 Ban kiểm soát

Ban kiểm soát của Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Thị Bích Thủy	Trưởng ban	24/04/2015	-
Ông Đặng Xuân Long	Thành viên	24/04/2015	27/04/2015
Ông Hoàng Văn Vững	Thành viên	27/04/2015	-
Ông Hồ Hữu Tường	Thành viên	24/04/2015	-

4.3 Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc của Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Võ Văn Tùng	Tổng Giám đốc	24/04/2015	-
Ông Nguyễn Thanh Bình	Phó Tổng Giám đốc	01/04/2013	-
Ông Huỳnh Đức Dũng	Phó Tổng Giám đốc	05/06/2016	-

5. Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Võ Văn Tùng – Tổng Giám đốc.

6. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 được thể hiện trong Báo cáo tài chính giữa niên độ từ trang 07 đến trang 34.

175
3 TỶ
M HỒU
VÀ TỶ
N VỊ
HỒ S

CÔNG TY CỔ PHẦN VITALY

Địa chỉ: Đường N1, khu sản xuất tập trung Bình Chuẩn, phường Bình Chuẩn, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

Báo cáo của Hội đồng Quản trị (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

7. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Theo ý kiến của Hội đồng Quản trị, Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc giai đoạn tài chính cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

8. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Công ty.

9. Xác nhận của Hội đồng Quản trị

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng giai đoạn tài chính và cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc đã:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo các số kế toán có liên quan, thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính giữa niên độ, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo các số kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính kèm theo.

10. Phê duyệt các Báo cáo tài chính giữa niên độ

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ tài chính giữa niên độ 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Đại diện Hội đồng Quản trị



PHẠM THÀNH TUẤN

Chủ tịch

Bình Dương, ngày 06 tháng 8 năm 2018.



Số: 2286/18/BCKT/AUD-VVALUES

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN VITALY**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Vitaly (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 06 tháng 8 năm 2018, từ trang 06 đến trang 34, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về thông tin tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vitaly tại ngày 30 tháng 06 năm 2018, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 8 năm 2018.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**)



Nguyễn Thanh Hồng – Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNDKH số: 1512-2018-071-1

Chữ ký được ủy quyền

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu **VIETVALUES**.



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018

ĐVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		105.721.483.049	89.228.030.734
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	6.515.922.654	7.994.148.660
111	1. Tiền		6.515.922.654	7.994.148.660
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		-	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		31.365.891.670	11.967.481.695
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.2	31.082.530.111	11.350.020.391
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.3	860.003.560	999.148.751
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	V.4	171.597.999	166.552.553
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	V.5	(748.240.000)	(548.240.000)
140	IV. Hàng tồn kho	V.6	65.774.920.580	67.432.696.646
141	1. Hàng tồn kho		73.062.700.216	74.594.024.002
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		(7.287.779.636)	(7.161.327.356)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		2.064.748.145	1.833.703.733
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.7a	2.060.431.112	1.084.141.641
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.14	4.317.033	749.562.092
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		93.033.813.802	97.309.029.456
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	-
220	II. Tài sản cố định		76.031.435.347	79.393.458.045
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.8	76.031.435.347	79.393.458.045
222	- Nguyên giá		324.575.838.328	321.649.712.191
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(248.544.402.981)	(242.256.254.146)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		663.636.364	73.325.300
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.9	663.636.364	73.325.300
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	V.10	2.880.050.000	2.880.050.000
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		2.880.000.000	2.880.000.000
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		50.000	50.000
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		-	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		13.458.692.091	14.962.196.111
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.7b	5.402.171.720	5.248.794.435
263	2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	V.1f	8.056.520.371	9.713.401.676
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		198.755.296.851	186.537.060.190

CÔNG TY CỔ PHẦN VITALY

Địa chỉ: Đường N1, khu sản xuất tập trung Bình Chuẩn, phường Bình Chuẩn, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		137.718.792.514	131.365.884.323
310	I. Nợ ngắn hạn		125.461.653.724	122.308.745.533
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.12	60.649.733.538	48.240.785.290
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.13	977.877.497	968.499.526
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.14	1.372.092.978	878.921.688
314	3. Phải trả người lao động	V.15	4.702.755.843	6.872.648.440
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.16	15.800.582.695	15.605.899.671
319	4. Phải trả ngắn hạn khác	V.17a	9.888.097.518	8.720.875.349
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.18a	32.061.178.245	41.011.780.159
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		9.335.410	9.335.410
330	II. Nợ dài hạn		12.257.138.790	9.057.138.790
337	1. Phải trả dài hạn khác	V.17b	6.000.000.000	2.800.000.000
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.18b	6.257.138.790	6.257.138.790
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	V.19	61.036.504.337	55.171.175.867
410	I. Vốn chủ sở hữu		61.036.504.337	55.171.175.867
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		80.000.000.000	80.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		80.000.000.000	80.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		10.000.000.000	10.000.000.000
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		782.200.000	782.200.000
421	2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(29.745.695.663)	(35.611.024.133)
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		(35.611.024.133)	(43.515.592.175)
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		5.865.328.470	7.904.568.042
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		198.755.296.851	186.537.060.190

Người lập biểu

NGUYỄN THỊ THU THỦY

Kế toán trưởng

PHẠM THỊ QUÊ



CÔNG TY CỔ PHẦN VITALY

Địa chỉ: Đường N1, khu sản xuất tập trung Bình Chuẩn, phường Bình Chuẩn, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

ĐVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	174.769.218.379	158.963.120.502
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	VI.2	170.782.494	166.400.712
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		174.598.435.885	158.796.719.790
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.3	154.223.966.441	138.072.800.337
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		20.374.469.444	20.723.919.453
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.4	251.709.387	359.830.661
22	7. Chi phí tài chính	VI.5	1.341.693.525	1.783.295.322
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		1.340.693.338	1.601.406.563
25	8. Chi phí bán hàng	VI.6	6.957.347.464	6.068.012.023
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.7	4.785.385.179	4.686.643.540
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		7.541.752.663	8.545.799.229
31	11. Thu nhập khác	VI.8	13.299.402	21.036.332
32	12. Chi phí khác	VI.9	223.391.478	467.921.371
40	13. Lợi nhuận khác		(210.092.076)	(446.885.039)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		7.331.660.587	8.098.914.190
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	VI.14	1.466.332.117	1.628.588.872
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	VI.10	-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		5.865.328.470	6.470.325.318
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.11	733	809
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.11	733	809

Người lập biểu

NGUYỄN THỊ THU THỦY

Kế toán trưởng

PHẠM THỊ QUẾ



Bình Dương, ngày 06 tháng 8 năm 2018

Giám đốc

VÕ VĂN TÙNG

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

ĐVT: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		7.331.660.587	8.098.914.190
	2. Điều chỉnh cho các khoản		7.735.595.594	10.721.444.624
02	- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	V.8	6.288.148.835	7.605.324.121
03	- Các khoản dự phòng	V.5; V.6	326.452.280	1.694.318.719
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	VI.4	(65.618.859)	109.004.968
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	VI.4	(154.080.000)	(288.609.747)
06	- Chi phí lãi vay	VI.5	1.340.693.338	1.601.406.563
07	- Các khoản điều chỉnh khác		-	-
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		15.067.256.181	18.820.358.814
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(18.823.471.053)	2.584.412.747
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		3.188.205.091	(8.206.099.573)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		14.073.153.694	(1.938.196.639)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(1.129.666.756)	67.083.220
13	- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh		-	-
14	- Tiền lãi vay đã trả		(1.147.687.791)	(652.637.414)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	V.14	(404.109.603)	(1.025.122.860)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	-
17	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		-	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		10.823.679.763	9.649.798.295
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(3.516.437.201)	(9.184.623.774)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		154.080.000	288.609.747
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(3.362.357.201)	(8.896.014.027)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay		8.263.041.170	15.551.754.016
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		(17.213.643.084)	(12.961.745.500)
35	5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(8.950.601.914)	2.590.008.516
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)		(1.489.279.352)	3.343.792.784
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		7.994.148.660	13.297.680.074
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		11.053.346	11.701.750
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	V.1	6.515.922.654	16.653.174.608

Người lập biểu



NGUYỄN THỊ THU THỦY

Kế toán trưởng



PHẠM THỊ QUÊ



VÔ VĂN TÙNG

CÔNG TY CỔ PHẦN VITALY

Địa chỉ: Đường N1, khu sản xuất tập trung Bình Chuẩn, phường Bình Chuẩn, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán 6 tháng từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 6 tháng từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 6 năm 2018

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Vitaly (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất gạch men các loại.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét (Chi tiết: Sản xuất vật liệu xây dựng);
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (Chi tiết: Mua bán vật liệu xây dựng, vật tư, nguyên liệu và sản phẩm phục vụ ngành công nghiệp xây dựng (trừ cát));
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (Chi tiết: Kinh doanh bất động sản, cho thuê mặt bằng, văn phòng làm việc, nhà xưởng, kho bãi (thực hiện theo Quyết định số 49/QĐ-UBND, ngày 21 tháng 11 năm 2011 của UBND tỉnh Bình Dương);
- Buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (Chi tiết: Mua bán máy móc, thiết bị, phụ tùng thay thế, dây chuyền công nghệ thuộc lĩnh vực xây dựng và sản xuất vật liệu xây dựng);
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất (Chi tiết: Tư vấn bất động sản trừ môi giới bất động sản).

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Không có đặc điểm kinh doanh nào trong kỳ ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính của Công ty trong kỳ.

6. Cấu trúc Công ty*Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết*

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty CP Bao bì và Khoáng sản số 1	Đường N1, Khu sản xuất tập trung Bình Chuẩn, Khu phố Bình Phú, phường Bình Chuẩn, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương	Sản xuất các loại bao bì carton có in	36%	36%	36%

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các thông tin và số liệu kế toán được trình bày mang tính so sánh giữa kỳ kế toán.

8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 446 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 424 nhân viên).

CÔNG TY CỔ PHẦN VITALY

Địa chỉ: Đường N1, khu sản xuất tập trung Bình Chuẩn, phường Bình Chuẩn, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2018

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính này được lập cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hệ thống Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính đã được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

Theo đó, Bảng cân đối kế toán, Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính đã được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và tương đương tiền

- Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.
- Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng (có thời hạn gốc không quá ba tháng), dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân (X) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được hoặc được ghi nhận theo mệnh giá (trừ công ty nhà nước thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật).

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác (hoặc thuyết minh theo chế độ tài chính hiện hành như Thông tư số 228/2009/TT-BTC ban hành ngày 07 tháng 12 năm 2009, sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 34/2011/TT-BTC ngày 14 tháng 3 năm 2011).

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dùng để:
 - Tập hợp, tổng hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm của các phân xưởng, hoặc bộ phận sản xuất, chế tạo sản phẩm.
 - Phản ánh vào chi phí sản xuất kinh doanh dở dang những nội dung chi phí sau:
 - + Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp cho việc sản xuất, chế tạo sản phẩm;
 - + Chi phí nhân công trực tiếp cho việc sản xuất, chế tạo sản phẩm;
 - + Chi phí sản xuất chung phục vụ trực tiếp cho việc sản xuất, chế tạo sản phẩm.
 - Ở các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp được hạch toán chi tiết theo địa điểm phát sinh chi phí (phân xưởng, bộ phận sản xuất), theo loại, nhóm sản phẩm, sản phẩm, hoặc chi tiết bộ phận sản phẩm.
- Thành phẩm: dùng để phản ánh giá trị hiện có và tình hình biến động của các loại thành phẩm của doanh nghiệp. Thành phẩm là những sản phẩm đã kết thúc quá trình chế biến do các bộ phận sản xuất của doanh nghiệp sản xuất hoặc thuê ngoài gia công xong đã được kiểm nghiệm phù hợp với tiêu chuẩn kỹ thuật và nhập kho.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

CÔNG TY CỔ PHẦN VITALY

Địa chỉ: Đường N1, khu sản xuất tập trung Bình Chuẩn, phường Bình Chuẩn, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2018

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí thuê đất

Được ghi nhận ban đầu bằng giá trị trả trước cho nhiều kỳ, được phân bổ vào chi phí theo đường thẳng, thời gian phân bổ bằng thời gian thuê.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tối đa không quá 36 tháng cho mỗi lần phát sinh chi phí sửa chữa.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính được sửa đổi, bổ sung ở Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 4 năm 2018 của Bộ Tài chính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 30
Máy móc và thiết bị	06 – 08
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 09

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

9. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

10. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

11. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

12. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm: gạch men, nguyên liệu các loại.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; và xác định được phần công việc đã hoàn thành;
- Không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

CÔNG TY CỔ PHẦN VITALY

Địa chỉ: Đường N1, khu sản xuất tập trung Bình Chuẩn, phường Bình Chuẩn, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2018

- Đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chi được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

13. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu là các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào tổng doanh thu trong kỳ báo gồm các khoản chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại.

14. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã bán và các chi phí khác được tính vào giá vốn.

15. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm chi phí đi vay vốn, khoản lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi thanh toán bằng ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái đánh giá cuối năm.

16. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty.

17. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá đo đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc

CÔNG TY CỔ PHẦN VITALY

Địa chỉ: Đường N1, khu sản xuất tập trung Bình Chuẩn, phường Bình Chuẩn, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán 6 tháng từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2018

ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng phát sinh giao dịch ngoại tệ, tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán 6 tháng giữa niên độ:

- Với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản căn cứ vào tỷ giá mua vào tại ngày 30 tháng 06 năm 2018 của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Bình Dương là 22.925 VND/USD; 22.606 VND/EUR.

- Với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả căn cứ vào tỷ giá vào tỷ giá bán ra tại ngày 30 tháng 06 năm 2018 của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Bình Dương là 22.995 VND/USD; 26.839 VND/EUR.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp: 20%.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN VITALY

Địa chỉ: Đường N1, khu sân xuất tập trung Bình Chuẩn, phường Bình Chuẩn, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2018

V. THÔNG TIN BỔ SUNG TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (ĐVT: VND)**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	2.461.177.451	295.051.621
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn ⁽¹⁾	4.054.745.203	7.699.097.039
Cộng	<u>6.515.922.654</u>	<u>7.994.148.660</u>

(1) Các khoản tiền gửi ngân hàng tại các tổ chức tín dụng của Công ty được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn được trình bày ở thuyết minh số V.17a.

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu các bên liên quan	-	-
Phải thu các khách hàng khác	31.082.530.111	11.350.020.391
Abdul Rahim Kahtan Ltd. Co	3.784.775.365	-
Các đối tượng khác	18.465.490.820	8.424.360.556
Cộng	<u>31.082.530.111</u>	<u>11.350.020.391</u>

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước cho các bên liên quan	-	-
Trả trước cho các nhà cung cấp khác	860.003.560	999.148.751
Công ty TNHH XD TM DV Môi trường Sài Gòn xanh	548.240.000	548.240.000
Công ty TNHH May bảo hộ lao động Hùng Thịnh	91.013.560	-
Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Xây dựng Thương mại Đất	100.000.000	100.000.000
Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Hưng Việt Hùng	100.000.000	100.000.000
Các đối tượng khác	20.750.000	250.908.751
Cộng	<u>860.003.560</u>	<u>999.148.751</u>

4. Phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
Phải thu các bên liên quan	-	-	-	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	171.597.999	-	166.552.553	-
Tạm ứng	166.078.300	-	166.552.553	-
Các đối tượng khác	5.519.699	-	-	-
Cộng	<u>171.597.999</u>	<u>-</u>	<u>166.552.553</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VITALY

Địa chỉ: Đường N1, khu sản xuất tập trung Bình Chuẩn, phường Bình Chuẩn, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2018

5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối kỳ		Số đầu năm		Giá trị có thể thu hồi
	Thời gian quá hạn	Nợ xấu	Thời gian quá hạn	Nợ xấu	
<i>Các bên liên quan</i>		-		-	-
<i>Các tổ chức và cá nhân khác</i>		748.240.000		548.240.000	-
Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Dịch vụ Môi Trường Xanh					
Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Xây dựng Thương mại Đất	Trên 3 năm	548.240.000	Trên 3 năm	548.240.000	-
Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Hưng Việt Hùng	Trên 3 năm	100.000.000			
Cộng		<u>748.240.000</u>		<u>548.240.000</u>	-

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	548.240.000	548.240.000
Trích lập dự phòng bổ sung	200.000.000	-
Hoàn nhập dự phòng	-	-
Số cuối kỳ	<u>748.240.000</u>	<u>548.240.000</u>

6. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng (**)	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	17.247.441.700	(2.024.278.037)	16.718.122.615	(2.024.278.037)
Công cụ, dụng cụ	3.109.232.515	-	3.499.582.431	-
Thành phẩm (*)	52.706.026.001	(5.263.501.599)	54.376.318.956	(5.137.049.319)
Cộng	<u>73.062.700.216</u>	<u>(7.287.779.636)</u>	<u>74.594.024.002</u>	<u>(7.161.327.356)</u>

(*) Thành phẩm là gạch men ceramic các loại.

(**) Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số dư đầu năm	7.161.327.356	4.060.281.953
Dự phòng trích lập trong kỳ	3.007.606.264	1.694.318.719
Hoàn nhập trong kỳ	(2.881.153.984)	-
Số dư cuối kỳ	<u>7.287.779.636</u>	<u>5.754.600.672</u>

7. Chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn**7.a Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ xuất dùng cho phân xưởng sản xuất	1.630.956.986	1.000.787.524
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	429.474.126	83.354.117
Cộng	<u>2.060.431.112</u>	<u>1.084.141.641</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VITALY

Địa chỉ: Đường N1, khu sản xuất tập trung Bình Chuẩn, phường Bình Chuẩn, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2018

Tình hình tăng giảm chi phí trả trước ngắn hạn trong kỳ

	Kỳ này	Kỳ trước
Số dư đầu năm	1.084.141.641	1.960.284.093
Tăng trong kỳ	3.474.291.284	2.884.460.649
Phân bổ trong kỳ	(2.498.001.813)	(2.884.957.811)
Số dư cuối kỳ	<u>2.060.431.112</u>	<u>1.959.786.931</u>

7.b Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;	4.383.675.532	3.946.610.211
- Quyền sử dụng đất (*)	919.431.836	1.103.318.198
- Chi phí trả trước dài hạn khác	99.064.352	198.866.026
Cộng	<u>5.402.171.720</u>	<u>5.248.794.435</u>

(*) Là quyền sử dụng đất ở Đường N1, khu sản xuất tập trung Bình Chuẩn, phường Bình Chuẩn, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, với giá trị ban đầu là 4.045.500.000 đồng, thời gian phân bổ là 132 tháng, số tháng còn phân bổ cuối năm là 48 tháng.

Tình hình tăng giảm chi phí trả trước ngắn hạn trong kỳ

	Kỳ này	Kỳ trước
Số dư đầu năm	5.248.794.435	4.242.581.465
Tăng trong kỳ	2.188.887.532	1.649.887.587
Phân bổ trong kỳ	(2.035.510.247)	(1.716.473.645)
Số dư cuối kỳ	<u>5.402.171.720</u>	<u>4.175.995.407</u>

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	71.844.384.126	241.639.392.063	8.165.936.002	321.649.712.191
Tăng trong kỳ	-	2.926.126.137	-	2.926.126.137
- Mua mới trong kỳ	-	2.926.126.137	-	2.926.126.137
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số cuối kỳ (*)	<u>71.844.384.126</u>	<u>244.565.518.200</u>	<u>8.165.936.002</u>	<u>324.575.838.328</u>
Trong đó: Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	9.357.989.053	176.251.363.012	4.233.609.057	189.842.961.122
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	34.868.825.837	201.132.139.293	6.255.289.016	242.256.254.146
Khấu hao trong kỳ	1.397.993.804	4.607.574.712	282.580.319	6.288.148.835
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số cuối kỳ	<u>36.266.819.641</u>	<u>205.739.714.005</u>	<u>6.537.869.335</u>	<u>248.544.402.981</u>
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	36.975.558.289	40.507.252.770	1.910.646.986	79.393.458.045
Số cuối kỳ	<u>35.577.564.485</u>	<u>38.825.804.195</u>	<u>1.628.066.667</u>	<u>76.031.435.347</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VITALY

Địa chỉ: Đường N1, khu sản xuất tập trung Bình Chuẩn, phường Bình Chuẩn, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2018

(* Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại cuối kỳ theo sổ sách là 24.996.913.164 đồng đã được cam kết thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay (xem tại thuyết minh mục V.17).

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Là các khoản chi phí mua sắm máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất.

10. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty là đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

Đầu tư góp vốn vào công ty liên doanh, liên kết và các đơn vị khác

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng
<i>Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết</i>	2.880.000.000	2.880.000.000	-	2.880.000.000	2.880.000.000	-
Công ty Cổ phần Bao bì và Khoáng sản số 1 ⁽¹⁾	2.880.000.000	2.880.000.000	-	2.880.000.000	2.880.000.000	-
<i>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</i>	50.000	50.000	-	50.000	50.000	-
Công ty Cổ phần Đá Hòa An	50.000	50.000	-	50.000	50.000	-
Cộng	2.880.050.000	2.880.050.000	-	2.880.050.000	2.880.050.000	-

(1) Khoản đầu tư vào Công ty CP Bao bì và Khoáng sản số 1, tỷ lệ góp vốn là 36% vốn điều lệ, tỷ lệ thực góp là 36% (tương đương 2.880.000.000 đồng). Công ty CP Bao bì và Khoáng sản số 1 hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3700538536 ngày 29 tháng 05 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, thay đổi lần thứ 08.

(* Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư được tạm tính theo giá gốc của các khoản đầu tư trừ cho dự phòng tổn thất của các khoản đầu tư đó. Trong đó dự phòng tổn thất của các khoản đầu tư được tính theo hướng dẫn điều 5 của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi bổ sung điều 5 của Thông tư 228/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính (do không có giá giao dịch).

Giao dịch với công ty liên doanh, liên kết

Giao dịch với Công ty CP Bao bì và Khoáng sản số 1 là công ty liên kết như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Doanh thu bán thành phẩm ⁽¹⁾	-	297.709.746
Chi phí mua vật tư ⁽²⁾	9.675.912.642	9.848.150.169
Cổ tức nhận trong kỳ	154.080.000	215.712.000

⁽¹⁾ Giá bán: theo giá bán ra quy định chung của Công ty CP Vitaly.

⁽²⁾ Giá mua vật tư: theo giá thị trường.

11. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Giá trị thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế	8.056.520.371	9.713.401.676
Trừ dự phòng	-	-
Giá trị thuần	8.056.520.371	9.713.401.676

CÔNG TY CỔ PHẦN VITALY

Địa chỉ: Đường N1, khu sản xuất tập trung Bình Chuẩn, phường Bình Chuẩn, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2018

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho các bên liên quan	24.291.941.324	24.291.941.324	8.842.858.027	8.842.858.027
Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng số 1 - Công ty Cổ phần	13.837.251.415	13.837.251.415	-	-
Công ty Cổ phần Bao bì & Khoáng sản số 1	10.454.689.909	10.454.689.909	8.842.858.027	8.842.858.027
Phải trả cho các nhà cung cấp khác	36.357.792.214	36.357.792.214	39.397.927.263	39.397.927.263
Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Hưng Tam Long	6.943.144.807	6.943.144.807	5.207.648.387	5.207.648.387
Công ty Cổ phần Đầu tư Toàn An	4.493.925.490	4.493.925.490	11.407.270.440	11.407.270.440
Công ty Cổ phần Công nghệ He Xa Gon	3.964.929.799	3.964.929.799	1.730.860.561	1.730.860.561
Công ty Cổ phần thương mại và dịch vụ Thủy An	2.166.029.126	2.166.029.126	2.538.082.966	2.538.082.966
Các nhà cung cấp khác	18.789.762.992	18.789.762.992	18.514.064.909	18.514.064.909
Cộng	60.649.733.538	60.649.733.538	48.240.785.290	48.240.785.290

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả cho các bên liên quan	-	-
Phải trả cho các nhà cung cấp khác	977.877.497	968.499.526
GI Import Export Co.Ltd	659.315.000	659.315.000
Công ty TNHH Tây Phi	97.500.000	97.500.000
Các nhà cung cấp khác	221.062.497	211.684.526
Cộng	977.877.497	968.499.526

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT nội địa	872.621.273	-	3.451.978.996	(3.657.858.457)	666.741.812	-
Thuế GTGT xuất khẩu	-	-	637.746.978	(637.746.978)	-	-
Thuế nhập khẩu	-	-	209.177.128	(209.177.128)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	389.761.097	1.466.332.117	(404.109.603)	672.461.417	-
Thuế thu nhập cá nhân	6.300.415	-	42.831.563	(53.449.011)	-	4.317.033
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	359.800.995	557.259.106	(164.568.362)	32.889.749	-
Thuế khác	-	-	3.000.000	(3.000.000)	-	-
Cộng	878.921.688	749.562.092	6.368.325.888	(5.129.909.539)	1.372.092.978	4.317.033

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

CÔNG TY CỔ PHẦN VITALY

Địa chỉ: Đường N1, khu sản xuất tập trung Bình Chuẩn, phường Bình Chuẩn, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2018

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	7.331.660.587	8.098.914.190
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	259.742.169
+ Các khoản chi phí không được trừ	-	259.742.169
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	(215.712.000)
+ Cổ tức được chia từ công ty liên doanh, liên kết	-	(215.712.000)
Thu nhập chịu thuế	7.331.660.587	8.142.944.359
Thu nhập được miễn thuế	-	-
Lỗi các kỳ trước được chuyển	-	-
Thu nhập tính thuế	7.331.660.587	8.142.944.359
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	<u>1.466.332.117</u>	<u>1.628.588.872</u>

15. Phải trả người lao động

Quyế lương của Công ty được thực hiện theo Quyết định số 12/QĐ-HĐQT ngày 12 tháng 01 năm 2018 của Hội đồng quản trị, ban hành đơn giá tiền lương bình quân tính trên 1m2 sản phẩm gạch Ceramic sản xuất áp dụng cho năm 2018 là 9.000 đồng/m2.

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Chi phí phải trả các bên liên quan</i>	<i>15.696.677.416</i>	<i>15.472.705.959</i>
Lãi vay phải trả Công ty Mua bán Nợ và Tài sản Tồn đọng của DN	15.696.677.416	15.472.705.959
<i>Chi phí phải trả khác</i>	<i>103.905.279</i>	<i>133.193.712</i>
Lãi vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	103.905.279	133.193.712
Cộng	<u>15.800.582.695</u>	<u>15.605.899.671</u>

17. Phải trả ngắn hạn/ dài hạn khác**17.a Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả cho các bên liên quan	7.655.495.219	7.657.172.696
Tổng Công ty VLXD số 1 - TNHH MTV	7.655.495.219	7.657.172.696
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	2.222.416.807	1.053.517.161
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp, KPCĐ	1.170.881.568	74.534.101
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	1.061.720.731	989.168.552
Cộng	<u>9.888.097.518</u>	<u>8.720.875.349</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VITALY

Địa chỉ: Đường N1, khu sản xuất tập trung Bình Chuẩn, phường Bình Chuẩn, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2018

17.b Phải trả dài hạn khác

Chủ yếu là các khoản nhận ký cược, ký quỹ dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả cho các bên liên quan	-	-
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	6.000.000.000	2.800.000.000
Công ty TNHH MTV TMDV XNK Cường Phát	2.000.000.000	500.000.000
Các đối tượng khác	4.000.000.000	2.300.000.000
Cộng	6.000.000.000	2.800.000.000

18. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/ dài hạn**18.a Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn đến hạn trả	28.171.118.415	28.171.118.415	35.155.318.415	35.155.318.415
<i>Vay dài hạn đến hạn trả các bên liên quan</i>	<i>24.686.918.415</i>	<i>24.686.918.415</i>	<i>28.186.918.415</i>	<i>28.186.918.415</i>
- Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng Số 1 ⁽¹⁾	20.579.214.440	20.579.214.440	20.579.214.440	20.579.214.440
- Công ty Mua Bán Nợ và Tài sản tồn đọng của DN ⁽²⁾	4.107.703.975	4.107.703.975	7.607.703.975	7.607.703.975
Vay dài hạn đến hạn trả các tổ chức và cá nhân khác	3.484.200.000	3.484.200.000	6.968.400.000	6.968.400.000
- Ngân hàng Đầu tư Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương ⁽³⁾	3.484.200.000	3.484.200.000	6.968.400.000	6.968.400.000
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	3.890.059.830	3.890.059.830	5.856.461.744	5.856.461.744
<i>Vay ngắn hạn các bên liên quan</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	3.890.059.830	3.890.059.830	5.856.461.744	5.856.461.744
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển - CN TP.HCM ⁽⁴⁾	3.890.059.830	3.890.059.830	5.606.461.744	5.606.461.744
- Vay cá nhân khác	-	-	250.000.000	250.000.000
Cộng	32.061.178.245	32.061.178.245	41.011.780.159	41.011.780.159

(1) Là khoản vay theo Hợp đồng vay vốn số 01/07/HĐVV-VITALY với thời hạn vay là 5 năm và lãi suất là 0,2%/tháng. Phương thức đảm bảo khoản vay này bằng tín chấp.

(2) Là khoản vay của Công ty Mua bán nợ và Tài sản tồn đọng của Doanh nghiệp DATC được chuyển từ các khoản vay của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Chi nhánh Thành Phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng tín dụng số 00310/2004/0003671 ngày 30 tháng 9 năm 2004. Hợp đồng số 00310/2006/0002127 ngày 25 tháng 09 năm 2006. Hợp đồng số 00310/2004/0002263 ngày 20 tháng 10 năm 2006. Hợp đồng số 00310/2007/0000606 ngày 21 tháng 03 năm 2007. Hợp đồng số 29/2008/93269 ngày 18 tháng 08 năm 2008. Các hợp đồng trên đều có thời hạn vay là 84 tháng với lãi suất tiết kiệm cá nhân kỳ hạn 12 tháng (trả lãi cuối kỳ) + 5%/năm. Trong mọi trường hợp lãi suất không thấp hơn lãi suất sàn và không cao hơn lãi suất trần của Ngân hàng công bố trong từng thời kỳ. Hiện tại lãi suất đang áp dụng là 7,5%/năm. Tài sản đảm bảo gồm: Giá trị đầy chuyển 5 với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 4.179.914.985 đồng, hệ thống khí hóa than với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 1.213.679.006 đồng và giá trị tăng

CÔNG TY CỔ PHẦN VITALY

Địa chỉ: Đường N1, khu sản xuất tập trung Bình Chuẩn, phường Bình Chuẩn, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2018

mới của dự án đi dời dây chuyền 1&2 với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 06 năm 2016 là 2.911.342.558 đồng (Xem thuyết minh mục V.8).

(3) Là khoản nợ dài hạn đến hạn trả, chi tiết Hợp đồng xem thuyết minh mục V.17b.

(4) Là các khoản vay các cá nhân khác theo hình thức tín chấp với lãi suất 8,4%/ năm và điều chỉnh 6 tháng/lần.

Tình hình biến động các khoản vay và nợ ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Số đầu năm	Tiền vay phát sinh/ Chuyển từ tiền vay dài hạn		Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay dài hạn đến hạn trả	35.155.318.415	-	-	6.984.200.000	28.171.118.415
Vay ngắn hạn Ngân hàng	5.606.461.744	8.263.041.170	-	9.979.443.084	3.890.059.830
Vay ngắn hạn các cá nhân	250.000.000	-	-	250.000.000	-
Cộng	41.011.780.159	8.263.041.170	-	17.213.643.084	32.061.178.245

18.b Vay và nợ thuế tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn các bên liên quan	-	-	-	-
Vay dài hạn các tổ chức và cá nhân khác	6.257.138.790	6.257.138.790	6.257.138.790	6.257.138.790
- Ngân hàng Đầu tư Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương ⁽¹⁾	6.257.138.790	6.257.138.790	6.257.138.790	6.257.138.790
Cộng	6.257.138.790	6.257.138.790	6.257.138.790	6.257.138.790

(1) Vay theo hợp đồng tín dụng số 01/2015/93269/HDTD ngày 10 tháng 12 năm 2015, Lãi suất vay tại thời điểm giải ngân là 9,15%/năm, mục đích vay là bổ sung vốn lưu động. Tài sản thế chấp là 02 máy in gạch ceramic kỹ thuật số với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 06 năm 2018 là 8.402.665.084 đồng (Xem thuyết minh mục V.8)

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay và nợ thuế tài chính dài hạn như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	-	-
Trên 1 năm đến 5 năm	6.257.138.790	6.257.138.790
Trên 5 năm	-	-
Cộng	6.257.138.790	6.257.138.790

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuế tài chính dài hạn như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ		Trả/Kết chuyển sang nợ ngắn hạn	Số cuối kỳ
Vay dài hạn	6.257.138.790	-	-	-	6.257.138.790
Cộng	6.257.138.790	-	-	-	6.257.138.790

CÔNG TY CỔ PHẦN VITALY

Địa chỉ: Đường N1, khu sản xuất tập trung Bình Chuẩn, phường Bình Chuẩn, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương
 Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2018

19. Vốn chủ sở hữu**19.a Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục số 01 đính kèm.

19.b Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Vốn cổ phần thường	Tỷ lệ (%)	Vốn cổ phần thường	Tỷ lệ (%)
- Vốn cổ đông Nhà nước (Tổng Công ty Vật Liệu Xây dựng số 1 – TNHH MTV)	21.600.000.000	27%	21.600.000.000	27%
- Vốn góp của Công ty Mua bán Nợ và Tài sản tồn đọng của DN	20.000.000.000	25%	20.000.000.000	25%
- Vốn góp của các đối tượng khác	38.400.000.000	48%	38.400.000.000	48%
Cộng	80.000.000.000	100%	80.000.000.000	100%

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Vốn điều lệ đã góp	Vốn điều lệ còn phải góp
	80.000.000.000	80.000.000.000	-
Cộng	80.000.000.000	80.000.000.000	-

19.c Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Kỳ này	Kỳ trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	80.000.000.000	80.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối năm	80.000.000.000	80.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

19.d Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.000.000	8.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	8.000.000	8.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	8.000.000	8.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là Vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.000.000	8.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	8.000.000	8.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/ cổ phiếu)	10.000	10.000



CÔNG TY CỔ PHẦN VITALY

Địa chỉ: Đường Số 1, khu sản xuất tập trung Bình Chuẩn, phường Bình Chuẩn, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

6 tháng kết thúc kể từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2018

Độc lập Phân phối lợi nhuận

Độc lập Phân phối lợi nhuận Công ty không phân phối lợi nhuận sau thuế.

20. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

<i>Ngại tề các loại</i>	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- USD	82.293,37	184.115,57
- EUR	100,22	100,22

<i>Nợ khó đòi đã xử lý</i>	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Công ty TNHH Trần Quốc Tiến	2.934.347.458	2.934.347.458
- Công ty TNHH Bắc Âu	1.671.343.963	1.671.343.963
- Công ty CP SXTMDV Gạch Mỹ	833.015.278	833.015.278
- Các đối tượng khác	5.597.178.513	5.597.178.513
Cộng	11.035.885.212	11.035.885.212

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (ĐVT: VND)

1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

1.a Tổng doanh thu

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Doanh thu bán thành phẩm	174.608.113.339	158.948.590.052
- Doanh thu bán vật tư	161.105.040	14.530.450
Cộng	174.769.218.379	158.963.120.502

1.b Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ với công ty liên doanh, liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.10.

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Giảm giá hàng bán	1.890.457	-
- Hàng bán bị trả lại	168.892.037	166.400.712
Cộng	170.782.494	166.400.712

3. Giá vốn hàng bán

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Giá vốn của thành phẩm đã bán	153.906.404.518	136.364.008.116
- Giá vốn của vật tư, hàng hóa đã bán	191.109.643	14.473.502
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	126.452.280	1.694.318.719
Cộng	154.223.966.441	138.072.800.337

CÔNG TY CỔ PHẦN VITALY

Địa chỉ: Đường N1, khu sản xuất tập trung Bình Chuẩn, phường Bình Chuẩn, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2018

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Lãi tiền gửi có kỳ hạn	6.017.997	72.897.747
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	154.080.000	215.712.000
- Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	91.611.390	71.220.914
Cộng	<u>251.709.387</u>	<u>359.830.661</u>

5. Chi phí tài chính

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Chi phí lãi vay	1.340.693.338	1.601.406.563
- Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	1.000.187	181.888.759
Cộng	<u>1.341.693.525</u>	<u>1.783.295.322</u>

6. Chi phí bán hàng

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Chi phí cho nhân viên bán hàng	2.972.416.770	2.760.164.836
- Chi phí xuất khẩu gạch	1.677.134.490	1.013.390.493
- Chi phí khấu hao	64.705.998	64.705.998
- Chi phí bốc xếp, vận chuyển gạch	1.522.993.949	1.236.804.773
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	541.647.581	502.348.860
- Các chi phí khác	178.448.676	490.597.063
Cộng	<u>6.957.347.464</u>	<u>6.068.012.023</u>

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Chi phí cho nhân viên quản lý	2.231.612.423	2.215.377.210
- Chi phí đồ dùng văn phòng	107.344.022	76.524.222
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	194.779.086	201.192.192
- Thuế, phí và lệ phí	528.171.541	365.046.368
- Chi phí trợ cấp thôi việc	106.889.165	150.397.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	827.365.949	1.078.383.404
- Các chi phí khác	789.222.993	599.723.144
Cộng	<u>4.785.385.179</u>	<u>4.686.643.540</u>

8. Thu nhập khác

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Thanh lý phế liệu	-	21.036.332
- Các khoản chi phí khác	13.299.402	-
Cộng	<u>13.299.402</u>	<u>21.036.332</u>

9. Chi phí khác

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Thanh lý tài sản cố định	-	-
- Chi phí khác	223.391.478	467.921.371
Cộng	<u>223.391.478</u>	<u>467.921.371</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VITALY

Địa chỉ: Đường N1, khu sản xuất tập trung Bình Chuẩn, phường Bình Chuẩn, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2018

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	5.865.328.470	6.470.325.318
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
- Thù lao Hội đồng quản trị	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	6.470.325.318	6.470.325.318
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ (Cp)	8.000.000	8.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cp)	733	809

11. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông dùng tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.865.328.470	6.470.325.318
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.865.328.470	6.470.325.318
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ (Cp)	8.000.000	8.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cp)	733	809

12. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	112.007.429.526	103.410.672.816
- Chi phí nhân công	24.784.061.335	24.548.224.813
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.288.148.835	7.605.324.121
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.013.389.418	7.743.226.254
- Chi phí khác	414.764.769	467.580.745
Cộng	150.507.793.883	143.775.028.749

CÔNG TY CỔ PHẦN VITALY

Địa chỉ: Đường N1, khu sản xuất tập trung Bình Chuẩn, phường Bình Chuẩn, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2018

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (ĐVT: VND)**1. Tài sản tiềm tàng**

Tại ngày lập báo cáo này, Công ty không phát sinh các khoản tài sản tiềm tàng.

2. Nợ tiềm tàng

Tại ngày lập báo cáo này, Công ty không phát sinh các khoản nợ tiềm tàng.

3. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

3.a Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt(*)

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Lương	558.115.603	449.349.949
Thù lao	129.000.000	125.000.000
Cộng	687.115.603	574.349.949

(*) Các thành viên chủ chốt là các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát Công ty.

3.b Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan khác</u>	<u>Mối quan hệ</u>
- Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng số 1 – TNHH MTV	Cổ đông lớn (Công ty chiếm 27% vốn điều lệ công ty)
- Công ty Mua bán Nợ và Tài sản tồn đọng của doanh nghiệp DATC	Cổ đông lớn (Công ty chiếm 25% vốn điều lệ công ty)
- Công ty Cổ phần Gạch men Thanh Thanh	Cùng thành viên chủ chốt

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các giao dịch phát sinh giữa Công ty với các bên liên quan khác không phải là công ty con và công ty liên doanh, liên kết như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng số 1 – TNHH MTV		
- <i>Phải trả lãi vay</i>	248.322.523	248.322.523
Công ty Mua bán Nợ và Tài sản tồn đọng của doanh nghiệp DATC		
- <i>Lãi vay Công ty phải trả</i>	223.971.457	615.623.838

Số dư với các bên liên quan khác

Là số dư giữa Công ty với các bên liên quan khác không phải là công ty con và công ty liên doanh, liên kết. Các số dư này được trình bày chi tiết trong các thuyết minh số V.10, V.12, V.16, V.17, V.18.

CÔNG TY CỔ PHẦN VITALY

Địa chỉ: Đường N1, khu sản xuất tập trung Bình Chuẩn, phường Bình Chuẩn, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương
 Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2018

4. Báo cáo bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

Lĩnh vực kinh doanh

Toàn bộ là hoạt động sản xuất và kinh doanh gạch.

Khu vực địa lý

Các sản phẩm gạch của Công ty được tiêu thụ trong nước và xuất khẩu.

Kỳ này	Doanh thu tiêu thụ trong nước	Doanh thu xuất khẩu	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	158.936.330.141	15.671.783.198	174.608.113.339
Giá vốn hàng bán	140.767.218.371	13.265.638.427	154.032.856.798
Lợi nhuận gộp	18.169.111.770	2.406.144.771	20.575.256.541

Kỳ trước	Doanh thu tiêu thụ trong nước	Doanh thu xuất khẩu	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	150.218.362.445	8.744.758.057	158.963.120.502
Giá vốn hàng bán	130.878.235.050	7.194.565.287	138.072.800.337
Lợi nhuận gộp	19.340.127.395	1.550.192.770	20.890.320.165

5. Tài sản đảm bảo**Tài sản cam kết thế chấp cho đơn vị khác**

Công ty đã cam kết thế chấp tài sản là:

- Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng;
- Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn;
- Tài sản cố định: Nhà cửa, máy móc thiết bị.

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Công ty không còn nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác vào ngày 30 tháng 06 năm 2018.

6. Khả năng hoạt động kinh doanh liên tục

Không có những yếu tố đưa đến sự nghi ngờ về khả năng hoạt động kinh doanh liên tục của Công ty và các biện pháp, cam kết đảm bảo cho sự hoạt động trong thời gian tới của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN VITALY

Địa chỉ: Đường N1, khu sản xuất tập trung Bình Chuẩn, phường Bình Chuẩn, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2018

7. Số liệu so sánh

Công ty tái phân loại lại hàng tồn kho và thiết bị phụ tùng thay thế dài hạn cho phù hợp. Cụ thể như sau:

	<u>Mã số</u>	<u>Số liệu trước điều chỉnh</u>	<u>Các điều chỉnh</u>	<u>Số liệu sau điều chỉnh</u>
<i>Bảng cân đối kế toán giữa niên độ</i>				
Hàng tồn kho	141	84.307.425.678	(9.713.401.676)	74.594.024.002
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	-	9.713.401.676	9.713.401.676

8. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ

Công ty không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Bình Dương, ngày 06 tháng 8 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc






NGUYỄN THỊ THU THỦY

PHẠM THỊ QUÊ

VÕ VĂN TÙNG

CÔNG TY CỔ PHẦN VITALY

Địa chỉ: Đường N1, khu sản xuất tập trung Bình Chuẩn, phường Bình Chuẩn, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

PHỤ LỤC SỐ 01: TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM VỐN CHỦ SỞ HỮU

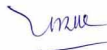
Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
1	2	3	4	5	6
1. Số dư tại ngày 01 tháng 01 năm 2017	80.000.000.000	10.000.000.000	782.200.000	(43.515.592.175)	47.266.607.825
2. Tăng trong kỳ trước	-	-	-	6.470.325.318	6.470.325.318
- Lợi nhuận tăng	-	-	-	6.470.325.318	6.470.325.318
3. Giảm trong kỳ trước	-	-	-	-	-
4. Số dư tại ngày 30 tháng 06 năm 2017	80.000.000.000	10.000.000.000	782.200.000	(37.045.266.857)	53.736.933.143
5. Số dư tại ngày 01 tháng 01 năm 2018	80.000.000.000	10.000.000.000	782.200.000	(35.611.024.133)	55.171.175.867
6. Tăng trong kỳ này	-	-	-	5.865.328.470	5.865.328.470
- Lợi nhuận tăng	-	-	-	5.865.328.470	5.865.328.470
7. Giảm trong kỳ này	-	-	-	-	-
8. Số dư tại ngày 30 tháng 06 năm 2018	80.000.000.000	10.000.000.000	782.200.000	(29.745.695.663)	61.036.504.337

Người lập biểu



NGUYỄN THỊ THU THỦY

Kế toán trưởng



PHẠM THỊ QUẾ



Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với Báo cáo tài chính